

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-PT

Ngày 03- 5- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Anh Vân.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Trung- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4/2019 và 03/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Hà Văn S do có kháng cáo của bị cáo S, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo:

Hà Văn S, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn NH, xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn S1 và bà Nguyễn Thị Th; Vợ là chị Nguyễn Thị Gi1, bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Trong vụ án còn có 03 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn S: Bà Phạm Hương L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31/10/2018, Hà Văn M điều khiển xe mô tô BKS 34P3- 0295 (Xe thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Th1- SN 1968, ở thôn NH, xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương, trước đó, bà Th1 đã cho bị cáo Hà Văn S mượn) đi từ nhà sang khu vực ao đầm thuộc thị trấn Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương ngồi uống nước. Tại đây, M gặp Bùi Văn C nên nảy sinh ý định rủ nhau cùng đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì C đồng ý. Khoảng 12 giờ cùng ngày, M điều khiển xe mô tô BKS 34P3- 0295 chở C đi trên đường Quốc lộ 37, hướng về khu vực Quán Phe, thuộc địa phận xã HH, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, sau đó rẽ trái về khu vực xã HD, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả hai đi qua cầu vượt đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng đến địa phận thôn BĐ, xã Kh, huyện Gi, tỉnh Hải Dương thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RS BKS 34M8-1931 của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1 và bà Bùi Thị B1 đang dừng ở bên đường nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. M điều khiển xe mô tô quay lại, gần xe mô tô BKS 34M8-1931, dùng tay phải lấy 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ L đã chuẩn bị từ trước, phá khóa ổ khóa điện xe mô tô BKS 34M8-1931. Sau khi phá khóa được ổ điện thì C điều khiển xe mô tô BKS 34M8-1931, còn M điều khiển xe mô tô BKS 34P3- 0295 cùng đi về thôn NH, xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương thì gặp Nguyễn Đ B và Hà Văn S. Lúc này, S, M, B và C cùng đi về nhà M. Khoảng 15 giờ cùng ngày, M nói cho S và B biết chiếc xe mô tô BKS 34M8-1931 là do M và C vừa trộm cắp được, nhờ B và S bán hộ nên B và S đồng ý. S bảo với M mang xe mô tô ra đầm cá nhà S để. Tại đây, M mở cốp xe phát hiện bên trong có 01 chiếc ví nam và 01 đăng ký xe mô tô BKS 34M8-1931 mang tên ông Nguyễn Văn Th1 nên M cất đi. Sau đó, S và M mang chiếc xe mô tô trên ra quán sửa xe của anh Nguyễn Trọng Đ gạ bán cho anh Đ nhưng anh Đ không mua. S tiếp tục dùng chiếc điện thoại Nokia 1200 gọi cho anh Nguyễn Văn H, bảo anh H ra quán sửa xe của anh Đ xem xe. Lúc này, S lấy đăng ký xe mô tô từ M và đưa cho anh H xem, sau khi xem xe thì anh H không mua. Sau đó, B bảo S đưa giấy tờ xe mô tô BKS 34M8- 1931 cho B rồi cả 2 mang chiếc xe mô tô BKS 34M8- 1931 xuống hiệu cầm đồ ở thôn 6, xã TH, huyện NG do anh Nguyễn Trường D - Sinh năm 1979, ở Khu 6, thị trấn NG, huyện NG là chủ quán với mục đích cầm cố để lấy tiền. Do không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do S và B phạm tội mà có nên anh D đã đồng ý cho B và S cầm cố với số tiền 2.500.000 đồng. Nhận tiền, B chia S 350.000 đồng, B được 250.000 đồng. Sau đó S đưa cho M số tiền 1.900.000 đồng. Số tiền này, M, C và B đã tiêu xài hết cá nhân hết.

Ngày 02/11/2018, Hà Văn S đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gi làm đơn đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 02/11/2018, ngày 03/11/2018 và ngày 04/11/2018, Hà Văn M, Nguyễn Đức B và anh Nguyễn Trường D đã tự giác giao nộp cho Cơ quan CSĐT- Công an

huyện Gi những đồ vật sau: M giao nộp 01 đầu vạm phá khóa bằng kim loại, dạng chữ L, Th1 vạm kích thước 11,5x 0,8cm, chân vạm ngang kích thước 4x 0,8cm và 01 ví da màu đen, loại gập đôi đã cũ; Nguyễn Đức B giao nộp 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn Th1, biển số xe 34M8- 1931; anh D giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveRS, màu đỏ, đen, số khung: 09026Y586997, số máy: HC09E6587054.

Tại Kết luận định giá tài sản số 48/KLĐG- HĐ ngày 05/11/2018, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự- Ủy ban nhân dân huyện Gi kết luận:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RS, loại xe nữ màu đỏ - đen: BKS 34M8- 1931, dung tích 97; Số khung 09026Y586997; số máy HC09E6587054 được sản xuất tại Việt Nam xe cũ đã qua sử dụng trị giá 7.000.000 đồng.

- 01 chiếc ví nam gập đôi, màu đen, ví giả da trị giá 20.000 đồng.

Quá trình điều tra, S khai đã bị rơi mất chiếc điện thoại Nokia 1200 mà S dùng vào việc liên lạc để tiêu thụ bán xe nên không có căn cứ để truy tìm. Chiếc xe mô tô BKS 34P3- 0295 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Th1. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, M đã trả cho S. Hiện bà Th1 đã quản lý. Bà Th1 và S không biết M mượn xe để dùng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là ông Nguyễn Văn Th1 số tài sản gồm: 01 ví da màu đen; 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn Th1, biển số xe 34M8- 1931 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveRS. Ông Th1 đã nhận lại số tài sản trên, trách nhiệm dân sự đã xong. Ông Th1 và bà B1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Anh Nguyễn Trường D không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền 2.500.000 đồng mà cho các bị cáo số tiền này.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS- ST ngày 27/02/2019 của tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo S.

Tuyên bố: bị cáo Hà Văn S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn S 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên bố về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo còn lại trong vụ án, tuyên về xử lý vật chứng, án phí HSST và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/3/2019 bị cáo Hà Văn S kháng cáo xin được hưởng án treo, cải

tạo tại địa phương.

Ngày 25/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương kháng nghị phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 27/02/2019 của tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Hà Văn S về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo S được hưởng án treo theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu:

Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản Thân là người khuyết tật nặng. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về tội danh: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo S về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:

Bị cáo là người có nhân Thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nơi cư trú rõ ràng, phạm vào tội ít nghiêm trọng, bản Thân là người khuyết tật nặng. Do vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, việc cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Do vậy, đề nghị chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, chấp nhận kháng cáo của bị cáo S, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo S theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí HSPT: Kháng cáo được chấp nhận, bị cáo S không phải chịu án phí HSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị:

Kháng cáo của bị cáo, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trong thời gian luật định, là hợp lệ được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/10/2018, tại khu vực đường gom cao tốc Hà Nội- Hải Phòng thuộc địa phận thôn BĐ, xã Kh, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, Hà Văn M cùng Bùi Văn C đã có hành vi lén lút dùng 01 chiếc văm bằng kim loại hình chữ L, phá khóa ổ điện để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveRS, biển kiểm soát 34M8- 1931 trị giá 7.000.000 đồng, bên trong cốp xe có 01 chiếc ví gấp nam trị giá 20.000 đồng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th1 và bà Bùi Thị B. Khoảng 15 giờ cùng ngày, mặc dù biết rõ chiếc xe mô tô trên là tài sản do M và C phạm tội mà có nhưng Nguyễn Đức B và Hà Văn S vẫn đem cầm cố tại cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Trường D để lấy số tiền 2.500.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản M và C trộm cắp là 7.020.000 đồng, giá trị tài sản B và S tiêu thụ là 7.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo S bị cấp sơ thẩm xét xử về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị về tội danh.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, HĐXX nhận thấy:*

Bị cáo S là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người khuyết tật nặng, đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Tài sản bị chiếm đoạt, tiêu thụ đã được thu hồi trả cho bị hại; Về trách nhiệm dân sự các bên liên quan đã tự giải quyết với nhau xong, số tiền bị cáo được ăn chia khi tiêu thụ tài sản là 350.000 đồng không nhiều.

Như vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ- HĐTP ngày 15/5/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đồng thời cũng phù

hợp với Nguyên tắc xử lý và đảm bảo mục đích của hình phạt theo quy định tại Điều 3, Điều 31 Bộ luật hình sự.

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 08 tháng tù là có cơ sở tuy nhiên không cho bị cáo được hưởng án treo là chưa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, chưa đảm bảo được mục đích giáo dục của hình phạt.

Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 27-2-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

2. Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn S phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xử phạt bị cáo Hà Văn S 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 03/5/2019.

Giao bị cáo Hà Văn S cho UBND xã VH, huyện NG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hà Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 03/5/2019./.

Nơi nhận::

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gi;
- Công an huyện Gi;
- VKSND huyện Gi;
- Chi cục THADS huyện Gi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; lưu TA.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền- Nguyễn Thị Thu Hoài

Lại Anh Vân